

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/9/2020

V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Tuyền**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Kim Khánh Tùng**

Bà **Bạc Thị Kiên**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thu Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2020/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị Th** - Sinh năm: 1989; Nơi ĐKKHKT: Đội 10B, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn T** - Sinh năm 1988; Địa chỉ: Đội 10B, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lò Thị Th trình bày:**

\* *Về hôn nhân:* Chị Th, anh T kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/7/2008 tại UBND xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Kể từ sau khi kết hôn cuộc sống chung của anh chị hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng

trầm trọng. Vì vậy chị Th và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay, không còn đi lại và quan tâm gì đến nhau nữa. Nay tình cảm của chị Th đối với anh T không còn nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

\* *Về con chung*: Chị Th, anh T có 02 con chung là Lò Thị Tuyết H - sinh ngày 16/4/2009 và Lò Hoàng H1 - sinh ngày 19/01/2011. Hiện tại hai cháu đang ở cùng với anh T và bố mẹ đẻ anh T, vì chị Th thường xuyên đi làm ở xa không có điều kiện về thời gian để chăm sóc hai cháu. Chị Th có nguyện vọng để cho anh T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu và việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Về quan hệ tài sản và công nợ*: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

**Tại bản tự khai của anh Lò Văn T ngày 09/7/2020, anh T trình bày:**

\* *Về hôn nhân*: Anh T, chị Th kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/7/2008 tại UBND xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của anh chị hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay, không còn đi lại và quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị Th có đơn xin ly hôn anh T nhất trí ly hôn.

\* *Về con chung*: Anh T, chị Th có 02 con chung là Lò Thị Tuyết H - sinh ngày 16/4/2009 và Lò Hoàng H1 - sinh ngày 19/01/2011. Hiện tại hai cháu đang ở cùng với anh T và bố mẹ đẻ anh T. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu và việc cấp dưỡng nuôi con anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* *Về quan hệ tài sản và công nợ*: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về tố tụng**: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lò Thị Th và anh Lò Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh T vẫn không đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh T không ảnh hưởng đến

việc xét xử và anh T đã có bản tự khai trình bày quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

## **[2]. Về nội dung:**

\*) *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng cả hai anh chị đều thừa nhận là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay, không còn đi lại và quan tâm gì đến nhau nữa. Vì vậy, chị Th tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh T. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 09/7/2020 anh T hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị Th vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị Th được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

\*) *Về con chung*: Chị Th, anh T có 02 con chung là Lò Thị Tuyết H - sinh ngày 16/4/2009 và Lò Hoàng H1 - sinh ngày 19/01/2011. Hiện tại cả hai cháu đang ở cùng với anh T và bố mẹ đẻ anh T. Chị Th có nguyện vọng để cho anh T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động vì chị Th thường xuyên đi làm ở xa không có điều kiện về thời gian để chăm sóc hai cháu, anh T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu và việc cấp dưỡng nuôi con các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Mặt khác, cháu H và cháu Hải đều đã trên 7 tuổi và đã có bản tự khai trình bày nguyện vọng xin được ở với anh T vì anh T có điều kiện chăm sóc các cháu nhiều hơn. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho các cháu Tòa án cần giao hai con chung cho anh T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

\*) *Về quan hệ tài sản và công nợ*: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

\*) *Về án phí*: Chị Lò Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

***Vì các lẽ trên;***

**QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

**1. Về hôn nhân:** Chị Lò Thị Th được ly hôn với anh Lò Văn T.

**2. Về con chung:** Giao hai con chung là Lò Thị Tuyết H - sinh ngày 16/4/2009 và Lò Hoàng H1 - sinh ngày 19/01/2011 cho anh Lò Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**3. Về quan hệ tài sản và công nợ:** Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị Lò Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2016/0003431 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự chị Lò Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/9/2020). Anh Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Th, huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Tuyền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh An, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Tuyền**



